**Đọc kết nối chủ điểm:**

**VỀ BÀI CA DAO ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG**

**(Bùi Mạnh Nhị)**

**I. Mục tiêu**

 ***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với VB1 và 2 để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương.*

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

 ***2. Về phẩm chất:***

- Yêu nước: yêu vẻ đẹp quê hương đất nước, yêu kho tàng văn học dân gian dân tộc.

*-* Chăm chỉ:chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ; có trách nhiệm gìn giữ và phát huy các lễ hội truyền thống của dân tộc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

 **1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

 **2. Học liệu**

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ suy nghĩ của mình về vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV chiếu hình ảnh :Cảm nhận của em khi nhìn những hình ảnh này?Hình ảnh này gợi em nhớ đến câu thơ nào? | Cảm nhận của HS |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS trả lời cá nhân |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời 1 số câu hỏi trong khi đọc.

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản. - Gọi HS đọc Vb và giải đáp thắc mắc (nếu có).- Hướng dẫn HS 1 số lưu ý | **I. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Đọc văn bản****2. Lưu ý:**- Cần phân biệt giữa tác giả dân gian (người viết bài ca dao) với tác giả Bùi Mạnh Nhị (người viết bài văn thể hiện cảm nhận về vẻ đẹp quê hương trong bài ca dao). |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS lắng nghe làm theo hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *- HS đọc bài, nêu thắc mắc (nếu có).* |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với VB1 và 2 để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương.*

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | Theo tác giả Bùi Mạnh Nhị, những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương đã được khắc họa qua bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”? | **II. Suy ngẫm và phản hồi****1. Hình ảnh đặc sắc của quê hương**- Cánh đồng lúa mênh mông, trù phú, tốt tươi, đầy sức sống. - Vẻ đẹp của cô thô nữ duyên dáng, mảnh mai, đầy sức sống.=> Hai hình hợp thành bức tranh đồng quê tươi sáng, sinh động. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS lắng nghe, làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi hoàn thành nhiệm vụ. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | Gọi vài HS chia sẻ. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. |
| **Tổ chức thực hiện** | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV phát PHT số 1, 2 yêu cầu HS thảo luận thời gian 5p- Tổ 1, 2: PHT số 1. Tìm hiểu nét độc đáo của bài ca dao- Tổ 3, 4: PHT số 2. Tìm hiểu tình cảm của tác giả.- Hết thời gian GV gọi nhóm bất kì cử đại diện báo cáo sản phẩm | **2. Nét độc đáo của bài ca dao**- Những dòng thơ khác dòng thơ bình thường thường, có dòng kéo dài đến 13 tiếng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như đối xứng, điệp từ, điệp ngữ.- So sánh cô gái như “Chẽn lúa đòng đòng… ban mai.- Có nhiều cách hiểu ở hai dòng thơ cuối:+ Lời cô gái => 1 lời tự khen thầm kín.+ Lời chàng trai => ngợi ca cánh đồng, cô gái (bày tỏ tình cảm).**3. Tình cảm của tác giả**- Ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn con người- Tình yêu da diết dành cho cảnh vật quê hương- Sự bâng khuâng, xao xuyến khi nhớ đến bài ca dao |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.- GV gợi mở (nếu cần). |
| Báo cáo thảo luận | - HS được chỉ định trình bày sản phẩm. |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức. |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống đặt ra.

**b. Nội dung**: Gv đặt câu hỏi, giúp HS kết nối nội dung văn bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | Trong bài thơ có nhắc đến cụm từ “thân em”. Em hãy tìm một vài câu ca dao cũng bắt đầu bằng từ thân em? | 1.  Thân em như trái bần trôi         Gió dập song dồi biết tấp vào đâu.2.  Thân em như giếng giữa đàng        Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.3.  Thân em như tấm lụa đàoPhất phơ giữa chợ biết vào tay ai ai.    4. Thân em như hạt mưa saHạt vào đài các, hát ra ruộng cày. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS lắng nghe làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *-* GV gọi 3 – 4 HS chia sẻ suy nghĩ |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, khen ngợi |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**Phiếu học tập số 1**

|  |
| --- |
| **Phiếu tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ** |
| Những nét độc đáo nào của bài ca dao được đề cập trong bài viết |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |
| --- |
| **Phiếu tìm hiểu tình cảm của tác giả** |
| **Tình cảm, cảm xúc của tác giả khi đọc bài ca dao** | **Dấu hiệu nhận biết** |
|  |  |